

CÔNG TY CỔ PHẦN 44CD
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN 44CD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 44CD JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: 44CD.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110364659

3. Ngày thành lập: 25/05/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

23.03-BT7, đường Foresa 8, Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913 295 774

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới bất động sản, bảo hiểm)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng -Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
17.	Trồng lúa	0111
18.	Trồng cây ăn quả	0121
19.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
20.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
21.	Trồng cây lâu năm khác	0129
22.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
23.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
24.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
25.	Chăn nuôi gia cầm	0146
26.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
27.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
28.	Khai thác gỗ	0220
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
30.	Giáo dục thể thao và giải trí (Trừ hoạt động các sàn nhảy)	8551
31.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật (Trừ hoạt động các sàn nhảy)	8552
32.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng – Đoàn thể)	8559
33.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,	8560

34.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: - Phòng khám đa khoa. - Phòng khám chuyên khoa ngoại; - Phòng khám chuyên khoa phụ sản; - Phòng khám chuyên khoa nam học; - Phòng khám chuyên khoa răng - hàm - mặt; - Phòng khám chuyên khoa tai - mũi - họng; - Phòng khám chuyên khoa mắt; - Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ; - Phòng khám chuyên khoa phục hồi chức năng; - Phòng khám chuyên khoa tâm thần; - Phòng khám chuyên khoa ung bướu; - Phòng khám chuyên khoa da liễu; - Phòng khám chuyên khoa y học cổ truyền; Phòng chẩn trị y học cổ truyền; - Phòng khám chuyên khoa dinh dưỡng;	8620
35.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)	9610
36.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu -Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	6619
37.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
38.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản	6820
39.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Tư vấn đấu thầu;	7110
40.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Trừ thiết kế kiến trúc)	7410
41.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy - Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy	7490
42.	Cho thuê xe có động cơ	7710

43.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (Trừ giết mổ gia súc gia cầm)	1010
44.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
45.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
46.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
47.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
48.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
49.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
50.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
51.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
52.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
53.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
54.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
55.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
56.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú	5510
57.	Cơ sở lưu trú khác	5590
58.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
59.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
60.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
61.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
62.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
63.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
64.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
65.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
66.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
67.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
68.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
69.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
70.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
71.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
72.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
73.	Xây dựng nhà không để ở	4102
74.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
75.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
76.	Xây dựng công trình điện	4221
77.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

78.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
79.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
80.	Xây dựng công trình thủy	4291
81.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
82.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
83.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
84.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ mìn)	4311
85.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
86.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
87.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
88.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
89.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
90.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế)	4772
91.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu; trừ súng, đạn, tiền kim khí; trừ các loại Nhà nước cấm)	4773

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ CAO	Tầng 6, Tòa nhà văn phòng Indochina Plaza Hà Nội, số 241 Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	0108783620	
			Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	20,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	20,000		
2	HỒ HOÀNG HẢI	Xóm Bàu Xuân, Xã Diên Đoàn, Huyện Diên Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	10,000	0400820328 22	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	10,000		

3	HOÀNG QUỐC TRIỆU	P508-Tòa 1A Vinaconex 7, Đường Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	20,000	0250810002 92
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	20,000	
4	NGUYỄN VĂN HOÀNG	70 Bà Huyện Thanh Quan, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	20,000	0420810002 73
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	20,000	
5	LÊ HẢI THÀNH	Số 02, ngõ 40, đường Đồng Hải, Phường Hải Thành, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	30,000	0440800069 89
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ HẢI THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 19/10/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 044080006989

Ngày cấp: 24/06/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 02, ngõ 40, đường Đồng Hải, Phường Hải Thành, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 02, ngõ 40, đường Đồng Hải, Phường Hải Thành, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội